TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST Ngày: 20-01-2020 V/v: Ly hôn, nuôi con giữa chị X và anh V	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 586/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị X, sinh năm 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 6/19/146 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: Số nhà 298 đường Đ, thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn:* Anh Phạm Anh V, sinh năm 1977

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 6/19/146 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: Ngõ 278 đường G, tổ 28 phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị X có mặt, bị đơn là anh Phạm Anh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09-12-2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 13-12-2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 28-12-2007. Cháu H hiện đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị X không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Anh V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh V vẫn vắng mặt. Do đó, anh V không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12-12-2019 cháu Phạm Thu H có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 17-12-2019, chính quyền địa phương nơi chị X và anh V sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V cư trú tại ngõ 278 đường G, tổ 28, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Chị Vũ Thị X đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về con chung, vợ chồng có 01 con là Phạm Thu H. Hiện nay cháu H đang ở cùng với chị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị X và anh V.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Phạm Thu H, sinh ngày 28-12-

2007 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Anh V đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13-12-2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N tại là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V phát sinh mâu thuẫn. Đối với anh V, Tòa án đã triệu tập nhưng anh V không đến tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh V vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh V không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Tại phiên tòa chị X giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn với anh V. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị X và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V có một con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 28-12-2007. Cháu H có quan điểm được ở với mẹ. Anh V không có quan điểm giải quyết về giao nuôi con chung. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển của con, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu H cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Vũ Thị X phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị X và anh Phạm Anh V.

2. Về nuôi con: Giao con Phạm Thu H, giới tính: nữ, sinh ngày 28-12-2007 cho chị Vũ Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị X đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002618 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường T, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang